

Số: 74/2026/QĐST-HNGĐ

Cà Mau, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 72/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Trương Yên Y, sinh ngày 28/4/2005. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau. Số CCCD: 096305009218, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/5/2021.

2. Anh Trần Thái D, sinh ngày 23/4/1990. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau. Số CC: 096090019681, do Bộ C cấp ngày 22/7/2025.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Yên Y và anh Trần Thái D tự nguyện kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2023 ngày 19/9/2023. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly thân từ tháng 12/2025 đến nay. Nay anh chị nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Trần Thái K, sinh ngày 29/6/2023, do chị Y đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con. Anh D1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xét thấy việc thoả thuận nuôi con của các đương sự là phù hợp, không trái quy định pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị **Y và anh D1** mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Yên Y và anh Trần Thái D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị thỏa thuận giao Trần Thái K, sinh ngày 29/6/2023 cho chị Trương Yên Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con, anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Yên Y và anh Trần Thái D mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được đối trừ số tiền 150.000 đồng chị Y đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002970 và số tiền 150.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002966 cùng ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, chị Y và anh S đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Trần Thanh Hiền**